

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: **71/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 23-12-2024

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Quang Đáng.

2. Ông Nguyễn Trường Thống.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tú Nguyên - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Tuyết Trang -KSV.

Ngày 23 tháng 12 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 196/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/12/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Ngọc X, sinh năm: 1988; địa chỉ: ấp C, xã B, huyện V, tỉnh Kiên Giang. Có đơn xin vắng mặt

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1988, địa chỉ: ấp C, xã B, huyện V, tỉnh Kiên Giang. Có đơn xin vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/09/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Bùi Ngọc X trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: bà và ông D tự nguyện tìm hiểu rồi chung sống với nhau từ năm 2007, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên

tình cảm vợ chồng không còn nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019. Nay bà X xác định vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn quá lớn, tình cảm không còn nên bà xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

Về con chung: Bà X xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 người con chung tên Nguyễn Nhật D1, sinh ngày 06/11/2008, giới tính nam và Nguyễn Duy M, sinh ngày 10/02/2011, giới tính nam. Hiện nay 02 con đang sống với ông D, nay ly hôn bà X thống nhất giao 02 con cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng, bà không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà X xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà X xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Nguyễn Văn D trình bày ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà X tự nguyện tìm hiểu rồi chung sống với nhau từ năm 2007, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên tình cảm vợ chồng không còn nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019. Nay bà X yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn D, ông D xác định vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn quá lớn, tình cảm không còn nên ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà X.

Về con chung: Ông D xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 người con chung tên Nguyễn Nhật D1, sinh ngày 06/11/2008, giới tính nam và Nguyễn Duy M, sinh ngày 10/02/2011, giới tính nam. Hiện nay 02 con đang sống với ông D, nay ly hôn ông D thống nhất tiếp tục nuôi dưỡng các con, ông không yêu cầu bà X phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông D xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông D xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Quá trình thụ lý vụ án, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, đúng tư cách tham gia tố tụng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp

pháp của đương sự, tiến hành thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục. Các đương sự chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9, Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Bùi Ngọc X và ông Nguyễn Văn D.

Về con chung, ghi nhận thoả thuận của ông D, bà X đề nghị giao cháu 02 người con chung tên Nguyễn Nhật D1, sinh ngày 06/11/2008, giới tính nam và Nguyễn Duy M, sinh ngày 10/02/2011, giới tính nam cho ông D tiếp tục nuôi dưỡng, bà X không phải cấp dưỡng nuôi con do ông D không yêu cầu. Hiện nay 02 con đang sống với ông D. Về tài sản chung không có; Về nợ chung không có, nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Bùi Ngọc X và Bị đơn ông Nguyễn Văn D được Tòa án triệu tập tham gia phiên toà nhưng ông D, bà X có đơn xin xét xử vắng mặt, xét thấy sự vắng mặt của ông D, bà X không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông D, bà X.

Nguyên đơn bà X yêu cầu ly hôn với ông D và yêu cầu giải quyết con chung. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”; Bị đơn ông Nguyễn Văn D có hộ khẩu thường trú tại ấp C, xã B, huyện V, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Bùi Ngọc X và ông Nguyễn Văn D bắt đầu chung sống với nhau từ những năm 2007, ông bà chung sống là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn, quá trình chung sống ông, bà không đến Ủy ban nhân dân có thẩm quyền để đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng.

Trong quá trình chung sống ông, bà xảy ra nhiều mâu thuẫn nên bà X xin ly hôn, ông D thống nhất ly hôn theo yêu cầu của bà X. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Bùi Ngọc X và ông Nguyễn Văn D.

[2.2] *Về con chung*: Ông D, bà X cùng xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 người con chung tên Nguyễn Nhật D1, sinh ngày 06/11/2008, giới tính nam và Nguyễn Duy M, sinh ngày 10/02/2011, giới tính nam. Hiện nay 02 con đang sống với ông D. Nay ly hôn ông D, bà X thống nhất thỏa thuận bà X đồng ý giao 02 con cho ông D tiếp tục nuôi dưỡng, bà X không phải cấp dưỡng nuôi con do ông D không yêu cầu. Các con có nguyện vọng tiếp tục sống với cha khi cha mẹ ly hôn. Xét thấy việc thỏa thuận nuôi con của các đương sự là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình nên ghi nhận.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung*:

Về tài sản chung và nợ chung: Ông D, bà X xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ, bà X chịu toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Điều 9, Điều 14, Điều 5, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1 - Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Bùi Ngọc X và ông Nguyễn Văn D.

2 - Về con chung: Ghi nhận sự thoả thuận của ông D, bà X 02 con tên Nguyễn Nhựt D1, sinh ngày 06/11/2008, giới tính nam và Nguyễn Duy M, sinh ngày 10/02/2011, giới tính nam cho ông D tiếp tục nuôi dưỡng, bà X không phải cấp dưỡng nuôi con do ông D không yêu cầu. Hiện nay 02 con đang sống với ông D. *(Trừ trường hợp có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật)*. Bà X được quyền trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3- Về tài sản chung và nợ chung: Ông D và bà X xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung. Không yêu cầu Toà án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4- Án phí sơ thẩm: Án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm bà Bùi Ngọc X chịu 300.000đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0002324 ngày 08/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

5- Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Bình Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mỹ Vinh